

ĐỘNG TỪ NỐI (LINKING VERBS)

Hệ thống Lý thuyết Chuyên sâu & Ngân hàng Ví dụ Minh Họa | From ZERO to MASTER

1. Định nghĩa cơ bản

Linking Verbs (Động từ nối) không dùng để chỉ hành động thông thường của chủ ngữ. Thay vào đó, chúng đóng vai trò cầu nối gắn kết chủ ngữ với một tính từ hoặc danh từ nhằm mô tả trạng thái, bản chất, phẩm chất hoặc sự biến đổi đặc điểm của chủ ngữ đó trong câu.

2. Các nhóm Linking Verbs phổ biến & Ví dụ chi tiết

Nhóm 1: Trạng thái tồn tại & Biến đổi (State & Transition Verbs)

- **Be (am/is/are/was/were):** Diễn tả trạng thái hoặc bản chất tại một thời điểm.

Ví dụ: She **is** a very dedicated teacher. (Cô ấy là một giáo viên rất tận tâm).

Ví dụ: They **were** extremely **tired** after the long journey. (Họ cực kỳ mệt mỏi sau chuyến đi dài).

- **Become / Get:** Chỉ sự biến đổi trạng thái (trở nên...).

Ví dụ: The weather **becomes** **colder** in December. (Thời tiết trở nên lạnh hơn vào tháng 12).

Ví dụ: He **got** **angry** when he heard the news. (Anh ấy nổi giận khi nghe tin đó).

- **Stay / Remain:** Chỉ sự duy trì trạng thái hiện tại.

Ví dụ: Please **stay** **calm** during the examination. (Xin hãy giữ bình tĩnh trong suốt kỳ thi).

Ví dụ: She **remained** **silent** throughout the meeting. (Cô ấy giữ im lặng trong suốt cuộc họp).

- **Seem / Appear:** Dường như, có vẻ như.

Ví dụ: The task **seems** quite **difficult** for beginners. (Nhiệm vụ này có vẻ khá khó khăn đối với người mới bắt đầu).

Ví dụ: He **appears** **confident** before the presentation. (Anh ấy tỏ ra tự tin trước buổi thuyết trình).

Nhóm 2: Tri giác giác quan (Perception Verbs)

Dùng để diễn tả cảm nhận thông qua các giác quan:

- **Look (trông có vẻ):** Ví dụ: Your new dress **looks** **gorgeous**. (Chiếc váy mới của bạn trông tuyệt đẹp).
- **Sound (nghe có vẻ):** Ví dụ: That suggestion **sounds** **wonderful**. (Gợi ý đó nghe có vẻ tuyệt vời).
- **Smell (có mùi):** Ví dụ: The traditional soup **smells** **delicious**. (Món súp truyền thống có mùi rất ngon).
- **Taste (có vị):** Ví dụ: This fruit **tastes** **sweet and refreshing**. (Loại quả này có vị ngọt và thanh mát).
- **Feel (cảm thấy):** Ví dụ: I **feel** **optimistic** about our exam results. (Tôi cảm thấy lạc quan về kết quả thi của chúng ta).

3. Công thức cốt lõi & Quy tắc Vàng

Cấu trúc chuẩn: Chủ ngữ (Subject) + Linking Verb + Tính từ (Adjective / Noun)

Lưu ý ngữ pháp cốt lõi: Sau Động từ nối là Tính từ bổ nghĩa cho chủ ngữ, tuyệt đối *không dùng Trạng từ* (Adverbs) mặc dù trong tiếng Việt chúng ta có xu hướng dịch nghĩa theo chiều hướng chỉ cách thức.

✓ **Đúng:** The students **look confident**. (Học sinh trông có vẻ tự tin → *confident* là tính từ)

✗ **Sai:** The students look **confidently**.

✓ **Đúng:** This grammar lesson **remains important**. (Bài học ngữ pháp này vẫn quan trọng).

✗ **Sai:** This grammar lesson remains **importantly**.

4. Bảng phân biệt chi tiết: Linking Verb vs. Action Verb

Nhiều từ vựng có thể đóng vai trò kép: vừa là Động từ nối (chỉ trạng thái), vừa là Động từ chỉ hành động tùy theo ngữ cảnh thực tế của câu.

Từ vựng	Vai trò Linking Verb (Trạng thái + Tính từ)	Vai trò Action Verb (Hành động + Trạng từ/ Tân ngữ)
Taste	The coffee tastes bitter . (Cà phê có vị đắng — đặc tính của cà phê).	He tasted the coffee cautiously . (Anh ấy nếm cà phê một cách cẩn thận — hành động chủ động).
Smell	The roses smell sweet . (Những bông hoa hồng có mùi thơm ngọt ngào).	She smelled the flowers deeply . (Cô ấy hít ngửi những bông hoa thật sâu — hành động).
Look	You look tired today. (Hôm nay trông bạn có vẻ mệt mỏi).	He looked at the blackboard attentively . (Anh ấy nhìn vào bảng đen một cách chăm chú).
Feel	Silk feels soft . (Vải lụa sờ vào thấy mềm mại).	She felt for the switch in the dark. (Cô ấy sờ tìm công tắc trong bóng tối).

5. Ứng dụng thực hành & Dịch thuật

- Trong các bài thi chuyển cấp vào lớp 10 và tốt nghiệp THPT, dạng bài tập phân biệt từ loại sau Linking Verb thường xuyên xuất hiện. Học sinh cần thành thạo nhận diện nhóm từ tri giác và trạng thái để tránh mất điểm đáng tiếc.
- Việc làm chủ các ví dụ thực tế giúp nâng cao khả năng phản xạ dịch thuật Anh - Việt, đảm bảo tính tự nhiên và chính xác cao trong văn phong tiếng Anh.

Hệ thống học tập tương tác: Chương trình tiếng Anh tương tác **Form ZERO to MASTER** hoạt động mượt mà trên Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera (không hỗ trợ Internet Explorer cũ).

Mọi thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật, xin liên hệ trực tiếp với **Mr. Lê Đại Phong**.

Phone + Zalo: **0971386608** | Email: **typhoon620@gmail.com**

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp THPT tại website chính thức: **www.tienganhhaiphong.vn**